

**TÒA ÁN N DÂN
THÀNH PHỐ Đ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 38 /2018/HNGĐST
Ngày: 11/7/ 2018.
V/v: “Xin ly hôn”.

**N DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN N DÂN THÀNH PHỐ Đ - TỈNH LÂM ĐỒNG
- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu Nga

Các Hội thẩm N dân:

Bà Nguyễn Thị Loan

Ông Păng Ting Nock

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Minh Hòa - Cán bộ Tòa án N dân thành phố Đ - tỉnh Lâm Đồng.

Viện kiểm sát N dân thành phố Đ tham gia phiên tòa: Ông K Mich – kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án N dân thành phố Đ - tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn N gia đình thụ lý số 05/2018/TLST-HNGĐ ngày 04/01/2018 về việc “ Xin ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/5/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phan Thị Mỹ N, sinh năm: 1981

Trú tại: tổ 45 T, phường F, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Bị đơn: Ông Phạm Nhật Thiên T, sinh năm: 1978.

Trú tại: tổ 45 T, phường F, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1/ Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam – Chi nhánh tỉnh Lâm Đồng

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Lê Quốc A; Chức vụ: Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Nho K; Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam – Chi nhánh tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Lê Quốc D, Chức vụ: Trưởng nhóm khách hàng cá N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nộp tại Tòa án thành phố Đ ngày 25/12/2017 và các tài liệu khác có trong hồ sơ nguyên đơn bà Phan Thị Mỹ N trình bày: Bà và ông T đăng ký kết hôn vào năm 2000 tại Ủy ban N dân xã Lâm Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận. Hôn N tự nguyện và có tổ chức lễ cưới. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại tổ 45 T, Nam H, phường F, thành phố Đ. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên N là do ông T thường xuyên cờ bạc, không có trách nhiệm với gia đình, và có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, cũng thường xuyên đánh đập bà, nhiều lần Công an Phường cũng có mặt và lập biên bản. Nay xác định không thể tiếp tục chung sống với ông T, bà xin được ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung Phạm Nhật Thiên T, sinh ngày 05/10/2007; Phạm Nhật Thiên T, sinh ngày 02/11/2000. Ly hôn bà yêu cầu được nuôi cả 2 con và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà xác định có nhà cấp 4 được xây trên đất của ba mẹ chồng cho tại tổ 45 Tây H, phường F, thành phố Đ và các vật dụng trong gia đình, và 01 xe taxi (nay đã bán). Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà xác định vợ chồng bà có nợ Ngân hàng Techcombank – chi nhánh Lâm Đồng số tiền 199.300.000đ. Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết số nợ, bà sẽ tự thỏa thuận với Ngân hàng.

Theo bản tự khai của ông Phạm Nhật Thiên T trình bày thì:

Ông thừa nhận việc chung sống và đăng ký kết hôn đúng như lời bà N trình bày. Cuộc sống chung hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn do ông ham chơi cờ bạc nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau. Nay bà N xin ly hôn thì ông không đồng ý.

Về con chung: Có 02 con chung Phạm Nhật Thiên T, sinh ngày 05/10/2007; Phạm Nhật Thiên T, sinh ngày 02/11/2000. Nếu ly hôn, thì ông yêu cầu được nuôi con Phạm Nhật Thiên T.

Về tài sản chung: Ông xác định có nhà cấp 4 được xây trên đất của ba mẹ ông cho tại tổ 45 Tây H, phường F, thành phố Đ và các vật dụng trong gia đình, và 01 xe taxi. Ly hôn vợ chồng ông tự giải quyết , không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông xác định vợ chồng không có nợ chung.

Theo bản tự khai ngày 26/4/2018 của ông Lê Quốc D- đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam Chi nhánh tỉnh Lâm Đồng

thì: Ngày 29/9/2015, Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam và vợ chồng bà Phan Thị Mỹ N và ông Phạm Nhật Thiên T đã ký đề nghị giải ngân kiêm hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số LDG20150515/HĐTD với số tiền giải ngân là 310.000.000đ, thời hạn vay là 84 tháng, lãi suất: thả nổi, mục đích vay vốn: vay mua ô tô. Tài sản bảo đảm khoản vay là: 01 xe ô tô, 05 chỗ ngồi, nhãn hiệu KIA, BKS số 49A – 117.83; Số khung: RNYTB51M5FC063428; Số máy: G4LAFP090631 theo GCNĐK xe ô tô số 009452 do Công an tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 25/9/2015 cho ông Phạm Nhật Thiên T. Dư nợ gốc của khoản vay nêu trên đến ngày 24/4/2018 còn lại là 199.300.000đ. Thời hạn vay vốn: 84 tháng (từ ngày 28/9/2015 đến ngày 28/9/2022). Về số tiền nợ trên thì Ngân hàng không yêu cầu Tòa án giải trong vụ án xin ly hôn giữa bà N và ông T. Nếu sau này bà N và ông T không trả nợ theo đúng hạn thì Ngân hàng sẽ khởi kiện bằng một vụ án khác.

Trong quá trình xét xử: Bà N xác định không còn tình cảm với ông T nên xin được ly hôn. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 2 con chung cho đến khi trưởng thành và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Ông T yêu cầu đoàn tụ. Đại diện Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam – Chi nhánh tỉnh Lâm Đồng có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát N dân thành phố Đ có ý kiến về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán, hội đồng xét xử, đương sự và đề xuất: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà N. Cho bà N và ông T được ly hôn. Giao 2 con cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng. Nợ Ngân hàng chưa đến hạn trả nợ, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét trong vụ án này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ hôn N: Bà Phan Thị Mỹ N và ông Phạm Nhật Thiên T kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại Ủy ban N dân xã Lâm Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận, nên quan hệ hôn N giữa bà N và ông T là hợp pháp.

[2] Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên N theo bà N thì ông T ham chơi, nhậu nhẹt, cờ bạc, có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác và về nhà thường xuyên đánh đập bà. Ông T thừa nhận có ham chơi cờ bạc nên vợ chồng mâu thuẫn. Bà N cũng từng gọi giảng hồ đến hù dọa ông. Vì còn tình cảm với vợ nên bà N xin ly hôn thì ông không đồng ý. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa bà N và ông T kéo dài trong nhiều năm. Ông T yêu cầu đoàn tụ nhưng không đưa ra giải pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét mục đích hôn N không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà N. Cho bà N được ly hôn với ông T là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Có 2 con chung Phạm Nhật Thiên T, sinh ngày 05/10/2007; Phạm Nhật Thiên T, sinh ngày 02/11/2000. Ly hôn, bà N yêu cầu

được nuôi con và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Ông T yêu cầu được nuôi con Phạm Nhật Thiên T. Xét 2 con có nguyện vọng ở với mẹ nên giao 2 con cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung: Hai bên xác định có nhà cấp 4 được xây trên đất của ba mẹ ông T cho tại tổ 45 Tây H, phường F, thành phố Đ và các vật dụng trong gia đình, và 01 xe taxi (bà N khai đã bán xe). Cả hai tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

[5] Về nợ chung: bà N ông T xác định có nợ Ngân hàng Techcombank – chi nhánh Lâm Đồng số tiền 199.300.000đ nhưng đến ngày 29/9/2022 mới đến hạn trả nợ. Ngân hàng không yêu cầu giải quyết số nợ này trong vụ án ly hôn giữa bà N, ông T nên không xem xét.

Đối với khoản tiền 310.000.000đ Nợ Ngân hàng SHB – chi nhánh Lâm Đồng số tiền bà N đã trả xong vào ngày 06/5/2018. Nên không đề cập.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn N và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị Mỹ N đối với bị đơn ông Phạm Nhật Thiên T.

Cho bà Phan Thị Mỹ N và ông Phạm Nhật Thiên T được ly hôn.

2. Về con chung: Giao con Phạm Nhật Thiên T, sinh ngày 05/10/2007; Phạm Nhật Thiên T, sinh ngày 02/11/2000 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng. Bà N không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn và thay đổi nuôi con được thực hiện theo quy định của luật hôn N và gia đình năm 2014.

3- Về án phí: Bà Phan Thị Mỹ N chịu 300.000đ án phí hôn N và gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí bà N đã nộp theo biên lai thu số 0004348, ngày 04/01/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ.

Trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, bà N được quyền kháng cáo lên Toà án N dân tỉnh Lâm Đồng để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Ông T vắng mặt tại phiên Tòa thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ nhận hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh
- VKSND...
- Đường sự.
- T.H.A Đ.
- Lưu.

THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã kí và đóng dấu

NGUYỄN THỊ DIỆU NGA